

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẮNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2017/DS-ST.

Ngày 25-9-2017.

V/v tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Nghện.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông : Cao Hoài Hiêm;

Ông: Đặng Văn Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Hành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Võ Trường Thọ - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 117/2017/TLST-DS ngày 31 tháng 5 năm 2017 về “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2017/QĐXX-ST ngày 01-9-2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trương Minh Q, sinh năm 1972;

Địa chỉ cư trú: Số 39/28, khu phố LT, thị trấn TB, huyện TB, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. Bị đơn:

Chị Trương Thị Thúy L, sinh năm 1973;

Anh Đồng Hữu T, sinh năm 1971;

Cùng địa chỉ cư trú: Số 83/34, khu phố LT, thị trấn TB, huyện TB, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Điền Đ, sinh năm 1961;

Địa chỉ cư trú: Số 24B, đường BL, khu phố GH, thị trấn TB, huyện TB, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 5 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn - anh Q trình bày:

Anh và chị L, anh T quen biết nhau trong trường hợp anh giới thiệu cho anh Lê Tấn A nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của chị L, anh T nhưng anh Đ gửi đơn ngăn cản tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh – Chi nhánh huyện Trảng Bàng và khởi kiện chị L, anh T tại Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng vì chị L, anh T nợ anh Đ.

Ngày 28-12-2016 chị L và anh T có nhờ anh vay dùm 80.000.000 đồng nợ gốc, anh đồng ý nên đến ngày 29-12-2016 anh có cho chị L và anh T vay 80.000.000 đồng nợ gốc, không lập văn bản, không thỏa thuận lãi suất, hẹn ngày 29-01-2017 trả lại 80.000.000 đồng nợ gốc nhưng đến nay chưa trả. Chị L và anh T vay tiền của anh để trả cho anh Đ số tiền 80.000.000 đồng, giao nhận tiền vào ngày 29-12-2016 tại Ủy ban nhân dân thị trấn TB, có mặt anh Đ và anh trực tiếp giao 80.000.000 đồng, anh Đ nhận, có mặt chị L, không có mặt anh T.

Nay anh khởi kiện yêu cầu chị L và anh T trả cho anh 80.000.000 đồng nợ gốc tiền vay và tiền lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 29-12-2016 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa, anh rút một phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi suất.

Theo các lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn – chị L thể hiện:

Năm 2015 chị vay tiền Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện TB - Phòng giao dịch thị trấn TB, đến khi đáo hạn Ngân hàng, chị có nhờ anh Đ cho vay để chị đáo hạn Ngân hàng, vay 178.000.000 đồng, chị trả cho anh Đ 100.000.000 đồng, còn nợ 78.000.000 đồng cộng lãi suất 2.000.000 đồng, tổng cộng là 80.000.000 đồng. Năm 2016 chị không có tiền để trả cho anh Đ, anh Đ khởi kiện chị đến Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng mời chị và anh Đ để làm việc, chị xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng. Ngày tháng chị không nhớ năm 2016, chị chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông A ở khu phố LT giá tiền 215.000.000 đồng, nhưng chị chỉ nhận 200.000.000 đồng còn 15.000.000 đồng thì anh Q giới thiệu chuyển nhượng quyền sử dụng đất, anh Q hưởng hoa hồng. Sau đó ông A đưa trước cho chị 170.000.000 đồng.

Ngày 29-12-2016 anh Q có kêu chị lên Ủy ban nhân dân thị trấn TB để ký giấy trả nợ. Tại ủy ban nhân dân thị trấn TB, ông Đ viết biên nhận nội dung ông Đ có nhận của chị L số tiền 80.000.000 đồng, chị ký tên vào biên bản, chị và anh T không trả cho ông Đ số tiền 80.000.000 đồng mà do anh Q trả cho ông Đ 80.000.000 đồng. Nguyên nhân chị và anh T thiếu nợ ông Đ 80.000.000 đồng

nhưng anh Q trả cho ông Đ 80.000.000 đồng vào ngày 29-12-2016 là vì anh Q giới thiệu việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất của chị để hưởng hoa hồng và bị ông Đ ngăn cản. Trước ngày 29-12-2016 ông Đ đã khởi kiện chị và anh T đến Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng để đòi số tiền 80.000.000 đồng này. Sau khi làm xong biên nhận chị và ông Đ đến Tòa án, ông Đ rút đơn khởi kiện. Chị hoàn toàn không vay tiền của anh Q. Sự việc anh Q trả cho ông Đ 80.000.000 đồng không có bản bạc, không được sự đồng ý của chị và anh T nên chị không đồng ý trả cho anh Q số tiền 80.000.000 đồng. anh Q đưa tiền cho ông Đ thì đòi ông Đ, còn chị nợ ông Đ số tiền 80.000.000 đồng chị sẽ trả cho ông Đ.

Theo các lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Đ thể hiện:

Ngày 24-8-2015 chị L và anh T có vay ông 178.000.000 đồng nợ gốc, hẹn vay đáo hạn Ngân hàng trả cho ông nhưng đến ngày 26-8-2015 chị L và anh T vay Ngân hàng, trả cho ông 100.000.000 đồng, còn thiếu lại 78.000.000 đồng hẹn ngày 26-9-2015 trả cho ông nhưng không trả.

Tháng 9 năm 2016 ông khởi kiện chị L và anh T đến Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng để đòi 78.000.000 đồng nợ gốc tiền vay và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Tòa án chưa giải quyết xong vụ án.

Ngày 29-12-2016 chị L gọi điện thoại kêu ông đến Ủy ban nhân dân thị trấn TB để trả tiền cho ông. Khi ông đến Ủy ban nhân dân thị trấn TB thì có một người đứng tại cửa Ủy ban nhân dân thị trấn TB nhìn vào chỗ chị L trả cho ông số tiền 80.000.000 đồng, chị L nói với ông người đó là anh Q.

Trong ngày 29-12-2016 chị L trực tiếp trả cho ông số tiền 80.000.000 đồng. Ông không biết nguồn gốc số tiền 80.000.000 đồng từ đâu có để chị L trả cho ông. Khi nhận tiền, ông có viết biên nhận nội dung ông có nhận của chị L số tiền 80.000.000 đồng, chị L ký tên vào biên nhận.

Nay anh Q khởi kiện đòi chị L và anh T 80.000.000 đồng nợ gốc, ông không có yêu cầu gì trong vụ án này.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005 quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Q về “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” đối với chị L và anh T.

Buộc chị L và anh T có nghĩa vụ trả cho anh Q số tiền 80.000.000 đồng.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của anh Q về tiền lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị L, anh T vắng mặt đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Căn cứ vào khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị L, anh T.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của anh Q đòi chị L và anh T trả 80.000.000 đồng nợ gốc tiền vay. Mặc dù chị L không thừa nhận có vay của anh Q số tiền 80.000.000 đồng nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, chị L và anh T thừa nhận có nợ ông T 80.000.000 đồng nợ gốc tiền vay. Ngày 29-12-2016 anh Q có kêu chị L lên Ủy ban nhân dân thị trấn TB để ký giấy trả nợ. Tại Ủy ban nhân dân thị trấn TB, ông Đ viết biên nhận nội dung ông Đ có nhận của chị L số tiền 80.000.000 đồng, chị L ký tên vào biên nhận, chị L và anh T không trả cho ông Đ số tiền 80.000.000 đồng mà do anh Q trả cho ông Đ số tiền 80.000.000 đồng. Nguyên nhân chị L và anh T thiếu nợ ông Đ 80.000.000 đồng nhưng anh Q trả cho ông T 80.000.000 đồng vào ngày 29-12-2016 là vì anh Q giới thiệu việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất của chị L để hưởng hoa hồng và bị ông Đ ngăn cản. Trước ngày 29-12-2016 ông Đ đã khởi kiện chị L và anh T đến Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng để đòi số tiền 80.000.000 đồng này. Sau khi làm xong biên nhận thì chị L và ông T đến Tòa án, ông T rút đơn khởi kiện.

Từ những phân tích nêu trên có cơ sở kết luận chị L và anh T có vay của anh Q 80.000.000 đồng nợ gốc. Buộc chị L và anh T có nghĩa vụ trả cho anh Q số tiền 80.000.000 đồng.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của anh Q về tiền lãi suất.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 thì bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

[4] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 471, 474 Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trương Minh Q về “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” đối với chị Trương Thị Thúy L và anh Đồng Hữu T.

2. Buộc chị L và anh T có nghĩa vụ trả cho anh Q số tiền 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của anh Q về tiền lãi suất.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị L và anh T phải chịu 4.000.000 (bốn triệu) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho anh Q 2.000.000 (hai triệu) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0008908 ngày 31 tháng 5 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Đối với đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi đương sự cư trú.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Trảng Bàng;
- Chi cục THADS huyện Trảng Bàng;
- Lưu: án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Thị Ngện